

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7- 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hằng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Bích Liên**.

2. Ông **Phạm Văn Hợp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Hồng Tâm**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phan Ngọc Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Diễm T**, sinh năm: 1987 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Hữu N**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn xin ly hôn ngày 23/3/2020, bản tự khai ngày 13/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm T trình bày:* Chị T và anh N sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã GC. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm không còn, sống với nhau không hạnh phúc.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Diễm T xin được ly hôn với anh Huỳnh Hữu N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm Th- sinh ngày 13/11/2003, Huỳnh Thị Diễm Phương V, sinh ngày 19/12/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu Th và cháu V, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 02 cháu (1.000.000đồng/01 cháu) cho đến khi con đủ

18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Hữu N mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Huỳnh Hữu N nhưng do anh Huỳnh Hữu N vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh Huỳnh Hữu N và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 118 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Diễm T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Diễm T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Huỳnh Hữu N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị T và anh N sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BD, thị xã GC. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm không còn, sống với nhau không hạnh phúc. Chị T xin được ly hôn.

Phía anh N đã được triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh N không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 4/2014 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm Th- sinh ngày 13/11/2003, Huỳnh Thị Diễm Phương V, sinh ngày 19/12/2009. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu Th và cháu V, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung

mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 02 cháu (1.000.000đồng/01 cháu) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét về điều kiện chăm sóc cháu Th và cháu V từ nhỏ đã được chị T chăm sóc, cả 02 cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2020 chính quyền địa phương xác định chị T, anh N hiện đang đi làm công ty tại Đồng Nai, có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con, chị T chăm sóc con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và cháu V. Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 02 cháu (1.000.000đồng/01 cháu), nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4]Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Diễm T được ly hôn với anh Huỳnh Hữu N.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Diễm T được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Diễm Th- sinh ngày 13/11/2003 và Huỳnh Thị Diễm Phương V, sinh ngày 19/12/2009; Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/ 02 cháu (1.000.000đồng/01 cháu). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 43711 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC. Khẩu trừ xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Anh Huỳnh Hữu N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Án được tuyên cùng ngày.

Nơi nhận:

- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- UBND xã BD, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hằng